

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2019

V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Thuận;

2/ Bà Huỳnh Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/4/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Đỗ Văn C, sinh năm 1996;

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Trâm Ch, sinh năm 1997;

Đều cùng địa chỉ: thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, bản khai ngày 26/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Giữa anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Trâm Ch tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lo lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 31/3/2017. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ch có quan hệ yêu đương với người khác. Do không sống chung được với nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau.

Nay anh C xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ch để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng anh C và chị Ch sinh được một đứa con chung đặt tên là Đỗ Nguyễn Thiên Ân, sinh ngày 28/8/2017, hiện nay do anh C đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh C xin được nhận nuôi cháu Ân, anh không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh C và chị Ch không có tài sản chung nên anh C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh C và chị Ch không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên anh C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

* Tại bản khai ngày 26/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Trâm Ch trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị Ch trình bày có nội dung thống nhất như lời trình bày ở trên của anh C. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Ch là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, cách dạy con, trong sinh hoạt, anh C nghi ngờ chị Ch có quan hệ yêu đương với người khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã qua lại với nhau. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau và gia đình hai bên có động viên hòa giải nhưng không thành.

Nay anh C xin ly hôn chị Ch, chị Ch đồng ý ly hôn anh C để giải phóng cho đôi bên.

Khi ly hôn chị Ch yêu cầu được nhận nuôi cháu Ân, chị yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 700.000đồng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh C và chị Ch không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về nội dung vụ án như sau:

I. Việc Tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Ch.

Giao cháu A cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Đỗ Văn C khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với chị Nguyễn Thị Trâm Ch cư trú tại thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q, căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Trâm Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 31/3/2017 (Bút lục 02). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Ch là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, anh C và chị Ch sống không hợp nhau, mỗi người một tính cách, anh C nghi ngờ chị Ch có quan hệ yêu đương với người khác, từ đó vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa anh C và chị Ch đã tự giận xếp nói chuyện với nhau về khuyết điểm của hai bên cũng như gia đình hai bên đã động viên hòa giải nhưng không thành. Do sống chung với nhau không được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau. Trong thời gian giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải, động viên anh chị về đoàn tụ sống chung nuôi con nhưng anh chị không đoàn tụ được. Xét thấy, tình cảm giữa anh C và chị Ch không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa anh C và chị Ch đã thuận tình ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Ch.

[3] *Về con chung*: Tại phiên Tòa hôm nay anh C và chị Ch đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, xét cháu Đỗ Nguyễn Thiên A, sinh ngày 28/8/2017 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*”, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu A cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chị Ch yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 700.000đồng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với yêu cầu thiết yếu của con và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82,

110, 116 và và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, được quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết chị Ch, anh C có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và khi cần thiết chị Ch, anh C hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Theo lời khai của anh C và chị Ch vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc anh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn C - Sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị Trâm Ch – Sinh năm 1997. Anh Đỗ Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị Trâm Ch.

Về con chung: Buộc anh Đỗ Văn C giao cháu Đỗ Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 28/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Trâm Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 750.000đồng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Â đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết chị Ch, anh C có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và khi cần thiết chị Ch, anh C hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh Đỗ Văn C và chị Nguyễn Thị Trâm Ch không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn C phải nộp 3000.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng anh C đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002643 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nên được khấu trừ, anh C còn phải nghĩa vụ tiếp tục nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn anh Đỗ Văn C và bị đơn chị Nguyễn Thị Trâm Ch đều có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND t.Q;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến